



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
P-AQUALINE 300, 400, 650

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm P-AQUALINE 300, 400, 650

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định coating

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H332 Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm hô hấp loại 1 - H334 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

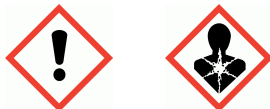
Nguy hại về môi trường Không xếp loại

Sức khỏe con người

Persons allergic to isocyanates, and particularly those suffering from asthma or other respiratory conditions, should not work with isocyanates. Người mẫn cảm với các phản ứng dị ứng không nên xử lý sản phẩm này. Người có chức năng phổi suy yếu không nên sử dụng sản phẩm này.

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

P-AQUALINE 300, 400, 650

Câu cảnh báo nguy cơ	H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H332 Gây hại nếu hít phải. H334 Có thể gây dị ứng hoặc triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải. H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
Câu phòng ngừa	P261 Tránh hít hơi/ bụi nước. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P284 [Trong trường hợp thông gió thông đủ] đeo mặt nạ bảo vệ đường hô hấp. P302+P352 NEU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NEU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P312 Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
Thông tin nhãn bổ sung	EUH204 Chứa isocyanate. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
Bao gồm	4,4'-METHYLENEDI(CYCLOHEXYL ISOCYANATE), DIPHENYLMETHANE-4,4'-DI-ISOCYANATE, 4,4'-Methylenediphenyl diisocyanate, oligomers

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**Hỗn hợp**

4,4'-METHYLENEDI(CYCLOHEXYL ISOCYANATE)	10-30%
Số CAS: 5124-30-1	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 3 - H331	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm hô hấp loại 1 - H334	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	
DIPHENYLMETHANE-4,4'-DI-ISOCYANATE	<1%
Số CAS: 101-68-8	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H332	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm hô hấp loại 1 - H334	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Độc tố gây ung thư loại 2 - H351	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373	

P-AQUALINE 300, 400, 650

4,4'-Methylenediphenyl diisocyanate, oligomers	<1%
Số CAS: —	
Phân loại Độc tính cấp tính loại 4 - H332 Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Mẫn cảm hô hấp loại 1 - H334 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tố gây ung thư loại 2 - H351 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Thông tin chung	Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**Cách chữa cháy**

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập.
------------------------------	--

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Không sử dụng nước, nếu có thể.
---	---------------------------------

P-AQUALINE 300, 400, 650

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Open drum carefully as content may be under pressure. Tránh hít phải hơi/bụi nước và tiếp xúc với da và mắt. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

P-AQUALINE 300, 400, 650

Bảo hộ tay	Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Cao su (tự nhiên, latec). Neopren. Polyvinyl clorua (PVC). Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.
Bảo hộ khác cho da và cơ thể	Mặc bộ bảo hộ hóa chất.
Các biện pháp về vệ sinh	Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.
Bảo hộ cho hô hấp	Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Khi phun xịt, đeo mặt nạ cung cấp khí phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp cả mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng nhớt.
Màu sắc	Hơi mờ.
Mùi đặc trưng	Mùi nhẹ.
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>150°C @
Điểm chớp cháy	> 200°C
Áp suất hơi	<10mmHg @ °C
Tỷ trọng tương đối	1.02 @ 20 °C°C
Tính tan	Không tan trong nước.
Độ nhớt	6500-9500 mPa s @ 20°C
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Axit. Chất oxy hóa.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

P-AQUALINE 300, 400, 650**Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua hô hấp**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 2.779,21

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 11,91

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 1,99

Sự hít phải Gây hại nếu hít phải. May cause sensitisation by inhalation.

Tiếp xúc với da Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

Tiếp xúc với mắt Gây kích ứng cho mắt.

Nguy hại sức khỏe cấp tính và mẫn cảm Persons allergic to isocyanates, and particularly those suffering from asthma or other respiratory conditions, should not work with isocyanates. Người mẫn cảm với các phản ứng dị ứng không nên xử lý sản phẩm này. Người có chức năng phổi suy yếu không nên sử dụng sản phẩm này.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Tránh phát thải ra môi trường.

Độc tính cấp tính- cá LC₅₀, 96 hours: 1.2 mg/l mg/l, Cá

Độc tính cấp tính- động vật thủy sinh EC₅₀, 48 hours: >500mg/l mg/l, Daphnia magna

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Assessment of biological degradability (Closed-Bottle Test) 60 %.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Không được cho là có tính di động.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

P-AQUALINE 300, 400, 650

Chung Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).

Số UN

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Tên vận chuyển chuẩn UN

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại**Nhãn vận chuyển**

Không có dấu hiệu cảnh báo vận chuyển nào được yêu cầu.

Nhóm đóng gói

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Các nguy hại về môi trường**Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Vận chuyển số lượng lớn theo Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Phụ lục II của MARPOL 73/78

và mã IBC

PHẦN 15: Thông tin luật định**PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 4

Ngày thay thế 29/04/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H331 Độc hại nếu hít phải.
H332 Gây hại nếu hít phải.
H334 Có thể gây dị ứng hoặc triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.
H373 Có thể gây hại cho cơ quan nội tạng thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.